

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 02 - 3 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 22/2022/QĐ-PT ngày 30/11/2022, Thông báo số 22/TB-TA ngày 29/12/2022 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23/QĐ-PT ngày 11/01/2023, Thông báo số 02/TB-TA ngày 18/01/2023 và Thông báo số 03/TB-TA ngày 16/02/2023 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp X, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Công T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1948; địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3.2. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp X, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1969; địa chỉ: Số XXX, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Huỳnh Công T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Hồng và anh Huỳnh Công T kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/9/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị H và anh T nhiều lần nói chuyện, tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay chị H và anh T đã không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị H và con đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019, hiện đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4 ngang 9m x dài 12m, cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách xây, mái tole, đóng laphong, xây dựng xong vào tháng 5/2021, giá 330.000.000 đồng (tiền bán vàng cưới 210.000.000 đồng, tiền bán mai 40.000.000 đồng và tiền hót hụi 87.100.000 đồng); nhà xây trên đất của mẹ chồng là bà Nguyễn Thị S; tiền mặt 80.000.000 đồng từ việc bán 05 cây mai, hiện anh T đang giữ; tiền mua mai 50.000.000 đồng, hiện anh T đang quản lý 01 cây mai. Tổng tài sản chung của vợ chồng là 460.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ là 230.000.000 đồng, chị H đồng ý giao nhà và những cây mai cho anh T quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ tiền hụi của anh Nguyễn Văn H1 80.000.000 đồng. Khi ly hôn, yêu cầu chia hai số nợ này, anh T phải có nghĩa vụ trả 40.000.000 đồng, chị H trả 40.000.000 đồng. Vợ chồng không cho ai nợ.

Bị đơn Huỳnh Công T trình bày:

Anh T và chị H quen nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 12/9/2019. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu

thuần, cự cãi và bất đồng ý kiến. Nay chị H yêu cầu được ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019, hiện đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Vợ chồng có 01 ngôi nhà xây dựng năm 2021, trong quá trình xây dựng vào tháng 5/2021 chị H bỏ nhà đi ngôi nhà chưa hoàn thành, có giá trị 220.000.000 đồng. Anh T đồng ý chia theo tỷ lệ 8/2, anh T nhận 8 phần, nhận nhà và đồng ý hoàn lại cho chị H 44.000.000 đồng.

Vàng cưới có 04 cây vàng 24k, vợ chồng thống nhất bán được 210.000.000 đồng, trong đó lấy 50.000.000 đồng mua mai, còn lại 160.000.000 đồng chị H quản lý và đưa cho bà Huỳnh Thị T1 (Mẹ chị H) cho vay lại. Nay anh T yêu cầu bà T1 giao số tiền 160.000.000 đồng cho anh T và chị H. Anh T đồng ý chia số tiền 160.000.000 đồng, mỗi người nhận 80.000.000 đồng.

Vợ chồng còn có 01 đôi bông hột xoàn 3,5 ly trị giá 15.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn hột xoàn trị giá 7.200.000 đồng do chị H quản lý. Anh T yêu cầu chia đôi và nhận giá trị là 11.100.000 đồng, đồng ý giao cho chị H quản lý và sử dụng.

Đối với số tiền mua mai 50.000.000 đồng từ vàng cưới. Hiện nay cây mai do anh T quản lý. Anh T đồng ý chia đôi, đồng ý giao cây mai cho chị H quản lý, yêu cầu nhận giá trị là 25.000.000 đồng.

Chị H còn giữ số tiền 28.000.000 đồng của anh T. Nay anh T yêu cầu chị H giao lại số tiền 28.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ tiền hụi anh Nguyễn Văn H1 80.000.000 đồng nhưng anh T không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T1 trình bày: Con bà T1 là chị H yêu cầu ly hôn với anh T, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cho rằng bà T1 còn giữ số tiền 160.000.000 đồng của anh T và chị H là không đúng, từ trước đến nay tôi không giữ bất kỳ số tiền nào của anh T và chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H1 trình bày: Trước đây anh H1 có cho chị H chơi hụi và hốt hụi với số tiền 87.000.000 đồng, hiện nay chị H đã trả đủ số tiền hụi đã hốt trước đây cho anh H1. Nay anh H1 không yêu cầu gì trong vụ án này và yêu cầu không đưa anh H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S là mẹ của anh T, bà S chấp nhận mọi quyết định của Tòa án và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 22/6/2022, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 9, 29, 30, 33, 37, 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Huỳnh Công T.

Về con chung: Anh Huỳnh Công T có nghĩa vụ giao con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu. Anh Huỳnh Công T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Huỳnh Công T phải có nghĩa vụ giao (trả) cho chị Nguyễn Thị H số tiền 270.000.000 đồng (230.000.000 đồng chia tài sản và 40.000.000 đồng tiền nợ hụi).

Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng đối với số tiền 270.000.000 đồng; 01 đôi bông hột xoàn 3,5 ly và 01 chiếc nhẫn hột xoàn (hiện chị H đang quản lý).

Anh Huỳnh Công T được quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà cấp 4 ngang 9m x dài 12m, cột bê tông cốt thép, nền lót gạch men, vách xây, mái tole, trần đóng laphong (xây dựng trên đất bà Nguyễn Thị S) và 01 cây mai, hiện anh T đang quản lý, sử dụng (Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2022).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Huỳnh Công T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H chia $\frac{1}{2}$ giá trị của 01 đôi bông hột xoàn 3,5 ly và 01 chiếc nhẫn hột xoàn là 11.100.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ giao (trả) cho anh Huỳnh Công T số tiền 11.100.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Huỳnh Công T về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T1 trả lại số tiền 160.000.000 đồng và yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả lại số tiền 28.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và 12.055.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0012832 ngày 09/7/2021 và biên lai thu số 0012834 ngày 09/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H phải nộp tiếp số tiền 6.305.000 đồng.

Anh Huỳnh Công T phải chịu 22.764.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007198 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 14.764.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2022, bị đơn Huỳnh Công T kháng cáo yêu cầu:

1. Về con chung: Anh Huỳnh Công T yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Khánh N. sinh ngày 29/10/2019 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung: Anh Huỳnh Công T yêu cầu định giá lại tài sản đang tranh chấp; xem xét tài liệu chứng cứ đầu tư vật tư, tiền công thợ tổng giá trị căn nhà và số vàng cưới 04 cây vàng chị H giữ và bán ở đâu, số tiền đó dùng vào mục đích gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thị H xin được rút đơn khởi kiện tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn đối với căn nhà cấp 4 (ngang 9m, dài 12m) hiện anh T đang quản lý, sử dụng; số tiền 80.000.000 đồng (bán 05 cây mai) hiện anh T giữ và 01 cây mai trị giá 50.000.000 đồng hiện anh T đang quản lý. Chị H tự nguyện chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án.

Bị đơn Huỳnh Công T đồng ý việc rút đơn khởi kiện tranh chấp về chia tài sản của nguyên đơn Nguyễn Thị H. Anh T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị H không rút đơn khởi kiện tranh chấp về nuôi con, chị H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Công T mà đồng ý với bản án sơ thẩm.

Anh Huỳnh Công T không rút đơn khởi kiện, anh T rút một phần kháng cáo về chia tài sản do chị H đã rút đơn khởi kiện tranh chấp về chia tài sản. Anh T giữ nguyên kháng cáo về nuôi con chung và kháng cáo yêu cầu bà Huỳnh Thị T1 hoàn trả số tiền 160.000.000 đồng để anh T và chị H chia đôi mỗi người 80.000.000 đồng. Lý do chị H thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc con, hiện anh T đã có nhà ở và việc làm ổn định.

Chị Nguyễn Thị H trình bày số tiền 160.000.000 đồng mà anh T yêu cầu bà T1 hoàn trả, thực tế bà T không giữ số tiền này như anh T trình bày mà vợ chồng chỉ nhờ bà T1 giữ dùm số tiền xây dựng nhà trong đó có số tiền bán vàng cưới, đến tháng 3/2021 bà T1 đã giao lại cho vợ chồng chị H xong. Cụ thể, vào

tháng 9 (âm lịch) năm 2020 vợ chồng bán vàng cưới được 210.000.000 đồng, cộng với số tiền 40.000.000 đồng đã bán cây mai, vợ chồng cho chị U (tức chị Đặng Bé N1) vay số tiền 250.000.000 đồng và lấy tiền lãi đóng hụi sống 5.000.000 đồng mà vợ chồng tham gia hụi của anh H1. Tham gia hụi, cho vay được vài tháng thì anh T quyết định xây dựng nhà ở nên vợ chồng hốt hụi của anh H1 được 87.100.000 đồng, yêu cầu chị U trả lại vốn vay và chị U đã trả đủ vốn vay và tiền lãi. Do khi đó đang xây dựng nhà không có nơi cất giữ tiền nên vợ chồng có nhờ bà Tiểu giữ dùm, trong quá trình xây dựng nhà thì bà T1 có giao lại tiền để vợ chồng mua cây mai giá 50.000.000 đồng, nhiều lần giao tiền để trả tiền vật liệu xây dựng, công xây dựng, chi phí nấu ăn cho thợ xây dựng, chi xài khoảng 150.000.000 đồng, số tiền còn lại vào tháng 3/2021 bà T1 đã giao hết cho chị H và chị H đã chi trả vào việc xây dựng nhà sau đó, khi chị H bỏ đi vào tháng 5/2021 chỉ còn lại 15.000.000 đồng và anh T đã lấy hết số tiền này. Sau khi hốt hụi của anh H1, vợ chồng không có tiền đóng hụi chết, do mẹ chị H bảo lãnh hụi nên đã đóng hụi chết thay số tiền 80.000.000 đồng.

Anh Huỳnh Công T cho rằng nguồn tiền vợ chồng đầu tư xây dựng nhà đến khi chị H bỏ đi vào tháng 5/2021 là 220.500.000 đồng. Cụ thể: hốt hụi của anh H1 02 lần, một lần 37.500.000 đồng và 01 lần 87.000.000 đồng; hốt hụi chị H2 02 phần được 56.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền bán mai; tất cả số tiền trên đều do chị H giữ. Sau khi chị H bỏ đi, anh T vay tiền của người khác số tiền 80.000.000 đồng để hoàn thiện căn nhà và đã nợ xong. Do vậy số tiền 160.000.000 đồng bán vàng cưới hiện anh T đang tranh chấp không liên quan đến việc xây dựng nhà ở.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của anh Huỳnh Công T đúng thời hạn luật định nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H xin rút đơn khởi kiện chia tài sản và anh T đồng ý việc rút đơn khởi kiện về chia tài sản của chị H. Xét thấy việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản và việc bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Căn cứ vào khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án về việc chia tài sản giữa nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Huỳnh Công T, về án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Xét kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019 của anh T, xét thấy con dưới 36 tháng tuổi pháp luật quy định giao cho mẹ nuôi, hiện chị H có việc làm, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Mặc dù các đương sự đều trình bày trong quá trình mỗi bên chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đều không chăm sóc tốt nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ. Anh T kháng cáo yêu cầu bà T1 trả số tiền 160.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh

nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Công T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh Huỳnh Công T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T1, Nguyễn Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị H xin được rút đơn khởi kiện về chia tài sản đối với căn nhà cấp 4 (ngang 9m, dài 12m) hiện anh T đang quản lý, sử dụng; số tiền 80.000.000 đồng (là tiền bán 05 cây mai) hiện anh T giữ và 01 cây mai trị giá 50.000.000 đồng hiện anh T đang quản lý. Bị đơn Huỳnh Công T đồng ý việc rút đơn khởi kiện về chia tài sản của nguyên đơn Nguyễn Thị H và xin rút một phần kháng cáo về chia tài sản. Xét thấy việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản và việc bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, người kháng cáo xin rút một phần kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Căn cứ vào Điều 299, khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” giữa nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Huỳnh Công T.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019 của anh Huỳnh Công T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[4.1] Chị H và anh T đã ly hôn theo bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019. Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Trong vụ án này, do có mâu thuẫn giữa vợ chồng nên chị H cùng cháu N về nhà cha mẹ ruột chị H sinh sống từ tháng 5/2021, khi đó cháu N khoảng 01 tuổi 06 tháng. Đến tháng 12/2021, anh T đến rước cháu N về nhà chơi, sau đó không giao con chung lại cho chị H mà chăm sóc, nuôi

dưỡng đến nay. Thời gian cháu N do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng thì về thể chất và tinh thần cháu N vẫn phát triển bình thường, anh T có vài lần đến thăm nom con. Trong khoảng thời gian anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, chị H nhiều lần về nhà thăm nom con thì anh T không cho gặp mặt con nhưng chị H vẫn nghe được cháu N nói chuyện, tuy nhiên cháu N quá “chửi thề”; anh T thừa nhận một số người ở lối xóm có dạy cháu N “chửi thề” và anh T đã dạy con không được chửi thề; anh T không cho chị H biết nhà trẻ nơi con chung đang được chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện chị H có việc làm tại Doanh nghiệp tư nhân ND, quầy thuốc TH, có thu nhập ổn định, hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi cháu N. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định anh T có nghĩa vụ giao con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày lý do anh T không giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không cho chị H gặp con là vì trong khoảng thời gian vợ chồng sống chung chị H thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc con, vợ chồng giận nhau thì chị H bỏ lại con cho anh T nuôi dưỡng, chị H cũng không đủ điều kiện kinh tế nuôi con chung, cháu N lớn lên như ngày nay là do công sức, tiền bạc anh T tạo ra để nuôi dưỡng; hiện anh T đã có nhà ở và việc làm ổn định, cụ thể làm nghề lái xe tải tuyến C - T, mỗi tuần lái xe 05 ngày từ thứ hai đến thứ sáu, thời gian làm việc từ 8 giờ đến 14 - 15 giờ, thu nhập mỗi ngày 300.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con; trong khi chị H không có nghề nghiệp, không có việc làm ổn định, đang ở tạm nhà cha mẹ, do đó không đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống và nuôi dưỡng, giáo dục con chung trở thành người tốt. Lời trình bày của anh T không được chị H thừa nhận, thực tế anh T chỉ trình bày mà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không phù hợp như đã nhận định trên nên kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019 của anh Huỳnh Công T không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4.3] Về việc cấp dưỡng cho con: Do chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Trường hợp anh T có đủ căn cứ cho rằng chị H không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Xét kháng cáo của anh Huỳnh Công T yêu cầu bà Huỳnh Thị T1 trả số tiền 160.000.000 đồng để anh T và chị Nguyễn Thị H chia đôi mỗi người 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Anh T và chị H thống nhất số vàng cưới 04 cây (40 chỉ) vàng 24k mà chị H giữ và đã bán được 210.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi bán vàng, vợ chồng mua 01 cây mai giá 50.000.000 đồng hiện anh T đang quản lý. Về số tiền 160.000.000 đồng còn lại anh T trình bày chị H giữ và nói với anh

T để mẹ chị H là bà T dùng vào việc cho vay lại. Bà T không thừa nhận còn giữ số tiền 160.000.000 đồng của vợ chồng anh T, chị H nên không đồng ý trả số tiền 160.000.000 đồng theo yêu cầu của anh T. Chị H cho rằng bà T1 không giữ số tiền như anh T trình bày mà bà T1 chỉ giữ dùng số tiền xây dựng nhà trong đó có số tiền bán vàng cưới, đến tháng 3/2021 bà T1 đã giao lại cho vợ chồng chị H xong và vợ chồng đã sử dụng tiền vào việc xây dựng căn nhà cấp 4 hiện anh T đang quản lý, sử dụng.

Thực tế vào đầu năm 2021, anh T và chị H có xây dựng căn nhà cấp 4, đến tháng 5/2021 thì vợ chồng sống ly thân. Anh T và chị H thống nhất số tiền xây dựng căn nhà là 280.000.000 đồng nhưng các đương sự chưa thống nhất về nguồn tiền đầu tư xây dựng căn nhà cấp 4 hiện anh T đang quản lý. Chị H trình bày nguồn tiền xây dựng căn nhà từ tiền hốt hụi của anh H1 được 87.100.000 đồng do anh T giữ, 40.000.000 đồng tiền mặt và 160.000.000 đồng bán vàng cưới còn lại. Mặc dù anh T không thừa nhận số tiền 160.000.000 đồng đang tranh chấp dùng vào việc xây dựng nhà ở, mà cho rằng mẹ vợ (là bà T1) giữ để cho vay mỗi tháng là 3.200.000 đồng (bút lục số 31) nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Trong khi đó tại phiên tòa sơ thẩm anh T trình bày nguồn tiền xây dựng nhà là tiền do anh T chạy xe thuê để dành, tiền lời cho tiền góp và tiền bán mai, chị H không biết khoản tiền này. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cho rằng nguồn tiền xây dựng nhà gồm tiền hốt hụi anh H1, hốt hụi chị H2, tiền bán mai, tổng cộng 220.500.000 đồng đều do chị H giữ, đối với số tiền bán 05 cây mai anh T thừa nhận số tiền 75.000.000 đồng nhưng anh T đã trả các khoản nợ thời điểm chị H sinh con, mua sữa và vật dụng sinh hoạt cho con nên không còn bởi vì khi đó công việc lái xe tải của anh T không đủ tiền sinh hoạt cho gia đình, phải vay nợ bên ngoài và sau khi chị H bỏ đi thì anh T phải vay của người khác số tiền 80.000.000 đồng để hoàn thiện căn nhà và các kiến trúc khác trên đất. Do lời trình bày của anh T trước, sau không thống nhất nhau, anh T chỉ trình bày mà không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và lời trình bày của anh T không được chị H thừa nhận nên việc chị H trình bày số tiền bán vàng cưới 160.000.000 đồng mà anh T đang tranh chấp chị H và anh T đã chi vào việc xây dựng căn nhà cấp 4 hiện anh T đang quản lý là có cơ sở. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu bà T1 trả lại số tiền 160.000.000 đồng là có căn cứ.

Anh T kháng cáo nhưng không tài liệu, chứng cứ chứng minh, bà T1 không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh T nên kháng cáo của anh T không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án về việc chia tài sản giữa nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Huỳnh Công T; không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh cách tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí:

Chị Hồng và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản đối với tài sản mà chị H đã rút đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Theo quy định pháp luật, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bà T1 trả nợ không được Tòa án chấp nhận.

Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và 4 Điều 308, Điều 148, khoản 3 Điều 296, điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc chia tài sản giữa nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Huỳnh Công T, đối với căn nhà cấp 4 hiện anh T đang quản lý; 80.000.000 đồng (tiền bán 05 cây mai) hiện anh T đang giữ và 01 cây mai trị giá 50.000.000 đồng hiện anh T đang quản lý.

2. Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019 của anh Huỳnh Công T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Về nuôi con chung: Anh Huỳnh Công T có nghĩa vụ giao con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Khánh N đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng).

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Công T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Công T về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T1 trả lại số tiền 160.000.000 đồng.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 11.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm trong trường hợp chị H rút đơn khởi kiện về chia tài sản (chưa bao gồm án phí dân sự sơ thẩm mà chị H phải chịu 555.000 đồng đối với phần tài sản mà chị H được chia theo yêu cầu phản tố của anh T); nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.750.000 đồng theo biên lai số 0012834 ngày 09/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H phải nộp tiếp số tiền 5.750.000 đồng (chưa bao gồm án phí dân sự sơ thẩm mà chị H phải chịu 555.000 đồng đối với phần tài sản mà chị H được chia theo yêu cầu phản tố của anh T).

Anh Huỳnh Công T phải chịu 22.764.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm trong trường hợp chị H rút đơn khởi kiện về chia tài sản và yêu cầu bà T1 trả nợ không được Tòa án chấp nhận (bao gồm án phí đối với phần tài sản mà anh T được chia theo yêu cầu phản tố của anh T, án phí đối với yêu cầu chị H trả nợ không được Tòa án chấp nhận và án phí đối với yêu cầu đòi lại tài sản của chị H được Tòa án chấp nhận); nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000 đồng theo biên lai số 0007198 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 14.764.000 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm:

Anh Huỳnh Công T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009476 ngày 06/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Lưu: VT, HS (N)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng